

## MUA BÁN LÂM SẢN CỦA NGƯỜI ĐAO Ở VÙNG BIÊN GIỚI HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI<sup>1</sup>

TS. Phạm Thị Cẩm Vân

Viện Dân tộc học

Email: phamcamvan0403@gmail.com

**Tóm tắt:** Hai xã Lùng Vai và Nậm Cháy của huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai là nơi có nhiều người Dao cư trú và cũng là địa phương có tiềm năng về nguồn lâm sản. Những năm qua, người Dao ở đây rất chú trọng mở rộng diện tích trồng cây lâm sản để bán ra cả thị trường nội địa và xuất khẩu qua bên kia biên giới. Gần đây, những thay đổi trong chính sách lâm nghiệp của Nhà nước và việc siết chặt quản lý đường biên của Trung Quốc trong đại dịch Covid-19 đã có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động mua bán lâm sản của người dân địa phương. Vì vậy, bài viết phân tích thực trạng hoạt động mua bán lâm sản của người Dao ở hai địa bàn nghiên cứu trên và đưa ra một số vấn đề nhằm tìm biện pháp tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình phát triển và tiêu thụ lâm sản ở địa phương hiện nay.

**Từ khóa:** Biên giới, Mường Khương, Lào Cai, mua bán lâm sản, người Dao.

**Abstract:** The two communes of Lung Vai and Nam Chay in Muong Khuong district of Lao Cai province are home to a large number of Dao people and are also localities with a high potential for forest products. In recent years, the Dao have paid great attention to expanding the sale of forest products in the domestic market and exports across the border. Recently, changes in the State's forestry policy and the tightening of China's border management during the pandemic have inevitably impacted the local trade of forest products. The article analyses the current status of the Dao's trade of forest products in the two research areas and suggests solutions to some issues in the process of growing and consuming local forest products.

**Keywords:** Border, Muong Khuong, Lao Cai, forest products trade, Dao people.

Ngày nhận bài: 7/5/2022; ngày gửi phản biện: 9/5/2022; ngày duyệt đăng: 12/6/2022.

### Mở đầu

Theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, lâm sản là sản phẩm khai thác từ rừng gồm thực vật rừng, động vật rừng và các sinh vật rừng khác. Lâm sản có lâm sản gỗ (LSG) và lâm sản ngoài gỗ (LSNG). Trong đó, LSNG bao gồm những sản phẩm tái tạo được ngoài

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Các dòng chảy lâm sản của một số tộc người vùng biên giới huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Công Thảo làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

gỗ, củi và than gỗ. LSNG được lấy từ rừng, đất rừng hoặc từ những cây thân gỗ (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2006). Cho đến nay, khai thác, buôn bán LSG và LSNG có một vai trò quan trọng trong sinh kế của người dân, đặc biệt với những cộng đồng sống ở khu vực miền núi, gắn với sinh kế rừng.

Cũng như các tộc người sinh sống ở vùng núi, từ trước đến nay, người Dao thường tận dụng điều kiện tự nhiên nơi cư trú để khai thác các nguồn lâm sản phục vụ đời sống sinh hoạt và tăng thu nhập hộ gia đình. Đó là việc vào rừng thu hái các loại lâm sản, cây thuốc, mật ong..., hay khai thác gỗ để làm nhà hoặc để bán theo đúng quy định về quản lý và sử dụng rừng của từng địa phương. Tuy nhiên, do đặc thù khu vực cư trú là những nơi giao thông chưa phát triển, địa hình phức tạp nên hiệu quả từ kinh tế rừng của đồng bào chưa cao. Thu nhập từ rừng của người Dao chỉ chiếm 10-30% cơ cấu kinh tế hộ gia đình (Trần Hồng Thu, 2014). Để nâng cao giá trị kinh tế từ rừng, người Dao đã từng bước thương mại hóa hàng lâm sản của mình nhưng quá trình này còn chưa thực sự hiệu quả. Chẳng hạn, cây sa nhân còn phụ thuộc quá nhiều vào thị trường ngoài nước, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, người dân thiếu kinh nghiệm và gặp một số vướng mắc về mặt pháp lý (Nguyễn Công Thảo, 2022). Vậy, làm thế nào để nâng cao hơn nữa giá trị kinh tế từ rừng cũng như tháo gỡ các khó khăn trong quá trình thương mại hóa sản phẩm lâm sản của người Dao là những vấn đề đang đặt ra hiện nay. Để phần nào giải đáp các câu hỏi trên, bài viết này tập trung tìm hiểu quá trình thương mại một số loại lâm sản của người Dao tại hai xã Lũng Vai và Nậm Chảy, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Nội dung chủ yếu xoay quanh hoạt động buôn bán LSG (thông sa mộc, mỡ, bồ đề, keo), LSNG (cây quế). Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là quan sát tham dự kết hợp các cuộc phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trong hai chuyến khảo sát vào tháng 11/2021 và tháng 2/2022. Ngoài ra, việc phân tích tài liệu thứ cấp có liên quan từ địa phương cũng được thực hiện phục vụ cho nghiên cứu này.

### 1. Địa bàn nghiên cứu

Mường Khương là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lào Cai với tổng diện tích tự nhiên 56.460,27 ha, trong đó diện tích có rừng là 23.842,76 ha (chiếm 42,23% diện tích đất tự nhiên), độ che phủ đạt 43,1% (UBND huyện Mường Khương, 2021). Rừng ở Mường Khương phổ biến một số loại cây như thông sa mộc, tong quán sủ. Ở vùng thấp có các cây: keo lá tràm, bạch đàn, trâu, mỡ, bồ đề... và các loại tre, nứa, vầu...

Địa bàn nghiên cứu chính được lựa chọn là hai xã Nậm Chảy và Lũng Vai thuộc huyện Mường Khương. Đây là hai xã giáp biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đồng thời có diện tích rừng lớn nhất trong số 16 xã của huyện<sup>2</sup>. Lũng Vai thuộc tiểu vùng thấp (độ cao dưới 300m so với mực nước biển), Nậm Chảy thuộc tiểu vùng giữa (độ cao trung bình 400-600m so với mực

---

<sup>2</sup> Diện tích tự nhiên của xã Nậm Chảy và Lũng Vai lần lượt là 4.722,39 ha và 5.875,22 ha, trong đó diện tích có rừng là 2.575,32 ha và 3.239,50 ha. Độ che phủ rừng là 55,14% (xã Lũng Vai) và 54,53% (xã Nậm Chảy).

nước biển)<sup>3</sup>. Vị trí này tạo cho Lũng Vai và Nậm Chảy những điều kiện về địa hình, khí hậu và đất đai riêng giúp người dân phát triển sinh kế rừng. Trên địa bàn huyện Mường Khương, người Dao sinh sống chủ yếu ở các xã vùng giữa và vùng cao như: Tả Gia Khâu, Dìn Chin, Pha Long, Nậm Chảy,... Tại Lũng Vai và Nậm Chảy, người Dao sống tập trung thành các bản đan xen với các bản người Hmông và người Giáy. Theo thống kê năm 2021, xã Lũng Vai có 717 người Dao, đa số là người Dao Đỏ (chiếm 16,21% dân số toàn xã); người Dao ở Nậm Chảy chiếm 50,1% dân số của xã. Sinh kế chính của đồng bào Dao Đỏ ở hai xã này là sản xuất nông - lâm nghiệp, chăn nuôi nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình. Các cây trồng chính của địa phương là chuối, ngô, lúa, sắn, chè, dứa,... Bên cạnh đó, người dân cũng đang tích cực gia tăng diện tích trồng cây lâm nghiệp như quế, keo, trẩu, bồ đề và sa nhân.

Trước năm 2020, cây chuối được coi là cây nông nghiệp cho thu nhập chính, song từ năm 2021, cây trồng này bị sâu bệnh nhiều và đầu ra tiêu thụ bị hạn chế, nên người dân có xu hướng chuyển sang trồng cây lâm nghiệp và công nghiệp khác (cây chè)<sup>4</sup>. Trong giai đoạn 2018-2021, diện tích rừng sản xuất của hai xã tăng lên là 103,15 ha (xã Lũng Vai), 70,24 ha (xã Nậm Chảy). Trung bình mỗi năm cả huyện Mường Khương tăng gần 60 ha diện tích rừng sản xuất (UBND huyện Mường Khương, 2021). Các cây trồng chủ yếu ở khu vực rừng sản xuất là cây quế, keo, mỡ, trẩu. Với xu hướng này, người dân đang dần tập trung phát triển sinh kế rừng bên cạnh nông nghiệp truyền thống của địa phương.

## 2. Thực trạng các loại lâm sản chính

Hầu hết các loại LSG ở Mường Khương hiện nay được trồng trên đất rừng sản xuất ở quy mô hộ gia đình. Các loại cây được trồng chủ yếu là thông sa mộc, gỗ mỡ, bồ đề. Bên cạnh đó, cây quế (được xếp vào nhóm LSNG) đã và đang được mở rộng diện tích tại các địa phương.

**Bảng 1: Đặc điểm cây lâm sản tại địa bàn nghiên cứu năm 2020<sup>5</sup>**

Loại lâm sản	Loại đất trồng	Thời gian trồng
Thông sa mộc	Rừng trồng đã thành rừng	25- 30 năm
Gỗ mỡ	Rừng trồng sản xuất	14-15 năm
		3-4 năm
Xoan	Rừng trồng sản xuất	6 năm
Gỗ keo	Rừng trồng sản xuất	2-3 năm

<sup>3</sup> Huyện được chia thành 4 tiểu vùng tự nhiên ứng với các hoạt động kinh tế đặc trưng: Vùng hạ gồm 3 xã là Bản Lầu, Bản Xen và Lũng Vai; Vùng giữa gồm 5 xã là Thanh Bình, Nậm Chảy, Nậm Lư, Mường Khương và Tung Chung Phó; Vùng thượng huyện gồm 4 xã: Pha Long, Dìn Chin, Tả Ngải Chồ, Tả Gia Khâu; Vùng cao gồm 4 xã là Cao Sơn, Lũng Khẩu Nhin, La Pán Tẩn, Tả Thàng (UBND huyện Mường Khương, 2021).

<sup>4</sup> Năm 2020, diện tích một số cây trồng chính tại Lũng Vai và Nậm Chảy tương ứng là: lúa 140 (ha) và 110 (ha); chuối 305 (ha) và 765 (ha); cây lương thực khác 450 (ha) và 982 (ha); diện tích chè 940 ha (xã Lũng Vai), xã Nậm Chảy chưa có thống kê.

<sup>5</sup> Thực trạng diện tích các loại cây lâm sản tại 2 xã chưa được Hạt kiểm lâm huyện Mường Khương chất lọc và tổng hợp cụ thể.

Gỗ bồ đề	Rừng trồng sản xuất	8-9 năm
Quế	Rừng trồng sản xuất	3-4 năm
		7-8 năm

Nguồn: Điều tra thực địa của đề tài 2021 - 2022

Cây thông sa mộc được trồng ở khu vực Mường Khương từ những năm 1995 theo Quyết định số 327-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng “Quyết định về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước”, theo đó người dân được cấp giống cây trồng và hỗ trợ cách thức chăm sóc. Cho đến nay, một số diện tích thông sa mộc đã được gần 30 năm tuổi. Các loại cây gỗ khác như gỗ mỡ, gỗ bồ đề, gỗ xoan... được trồng theo dự án trồng rừng từng năm của địa phương. Cây quế được trồng ở Lùng Vai từ năm 2012, thuộc dự án phát triển cây dược liệu của tỉnh Lào Cai. Mỗi hộ nhận trồng quế sẽ được hỗ trợ 5.150.000 đồng/ha tiền giống cây trồng, phân bón và công chăm sóc. Tính đến cuối năm 2021, trên địa bàn xã Lùng Vai có khoảng 69 ha quế được trồng mới. Trong khi đó, ở xã Nậm Chảy, cây quế chỉ mới được bắt đầu đưa vào trồng từ cuối năm 2021 và chính quyền xã chưa có số liệu chính thức.

Sản phẩm gỗ mà Lùng Vai và Nậm Chảy có thể cung cấp cho thị trường hiện nay là cây mỡ, bồ đề và keo. Gỗ mỡ đã đến tuổi khai thác chủ yếu tập trung ở địa bàn xã Lùng Vai với diện tích khoảng 19,26 ha (UBND xã Lùng Vai, 2021), còn lại đa số là diện tích cây mỡ có tuổi từ 3-4 năm. Cả Lùng Vai và Nậm Chảy đều có diện tích lớn cây keo có tuổi từ 2-3 năm. Cây keo sau 4-5 năm có thể bắt đầu cho thu hoạch, khu vực này dự kiến sẽ là nguồn cung gỗ keo cho các thị trường trong nước. Ngoài ra, quế đang là một trong những cây hàng hóa nhiều tiềm năng cho thị trường của huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái. Nếu ở vùng khí hậu nóng như Lùng Vai, chỉ sau 7-8 năm quế sẽ cho thu hoạch, và chỉ 3-4 năm đã có thể tía lá bán để chưng cất tinh dầu, ở những vùng lạnh hơn như Nậm Chảy sẽ mất khoảng thời gian lâu hơn từ 1-2 năm so với Lùng Vai. Ước tính, cả Nậm Chảy và Lùng Vai có khoảng 400 ha đất trồng quế.

Từ bảng thống kê trên cho thấy, nguồn gỗ thông sa mộc hiện nay ở Nậm Chảy và Lùng Vai còn số lượng lớn đã đến tuổi khai thác. Tại địa bàn xã Nậm Chảy, có những đồi thông sa mộc đã được trồng 20- 25 năm qua nhưng diện tích này đang chùng lún với diện tích rừng 661 nên người dân chưa được phép khai thác để bán. Chính quyền địa phương đang tìm hướng tháo gỡ vấn đề này sao cho hạn chế đến mức thấp nhất thiệt thòi đối với người dân. Như vậy có thể thấy, trong tương lai Nậm Chảy và Lùng Vai sẽ là một trong những nơi có nguồn cung cấp dồi dào các cây gỗ quế, keo, mỡ cho thị trường. Nguồn gỗ thông sa mộc hiện nay có nhiều nhưng còn những vướng mắc nên chưa thể đưa ra thị trường. Bên cạnh LSG, LSNG trên địa bàn bao gồm: sa nhân, các loại cây dược liệu, mật ong rừng, các loại rau măng,... Tuy nhiên, trong bài viết này, tác giả chủ yếu đề cập đến LSNG là cây quế, loại cây đang có xu hướng gia tăng về diện tích trồng, nhu cầu từ thị trường ổn định, có giá trị kinh tế cao.

### 3. Hoạt động buôn bán lâm sản của người Dao

#### 3.1. Mua bán lâm sản gỗ

Các hoạt động thu mua gỗ được hình thành ở Mường Khương từ lâu nhưng phát triển mạnh từ những năm 2006, khi nguồn gỗ bên Lào đã cạn kiệt, các thương lái Trung Quốc bắt đầu tìm kiếm nguồn cung ở thị trường Việt Nam.

**Bảng 2: Hình thức mua - bán và thị trường của một số loại lâm sản gỗ**

STT	Loại lâm sản	Hình thức bán	Thị trường
1	Gỗ thông sa mộc	Mua định giá theo từng đòì hoặc mua lẻ theo cây	Phân loại bán cho thị trường Trung Quốc, thị trường Sa Pa
2	Gỗ mỡ	Mua định giá theo từng đòì	Bán cho khu công nghiệp ở Yên Bái làm gỗ đũa xuất khẩu; cung cấp cho các địa phương trong nước
3	Gỗ bò đê, gỗ keo	Mua định giá theo từng đòì	Phân loại bán cho thị trường gỗ trong nước làm gỗ ép

Nguồn: Điều tra thực địa của đề tài 2021 - 2022

Trước năm 2015, Trung Quốc là thị trường chủ yếu thu mua gỗ của Mường Khương. Gỗ được xuất sang Trung Quốc theo các hình thức sau:

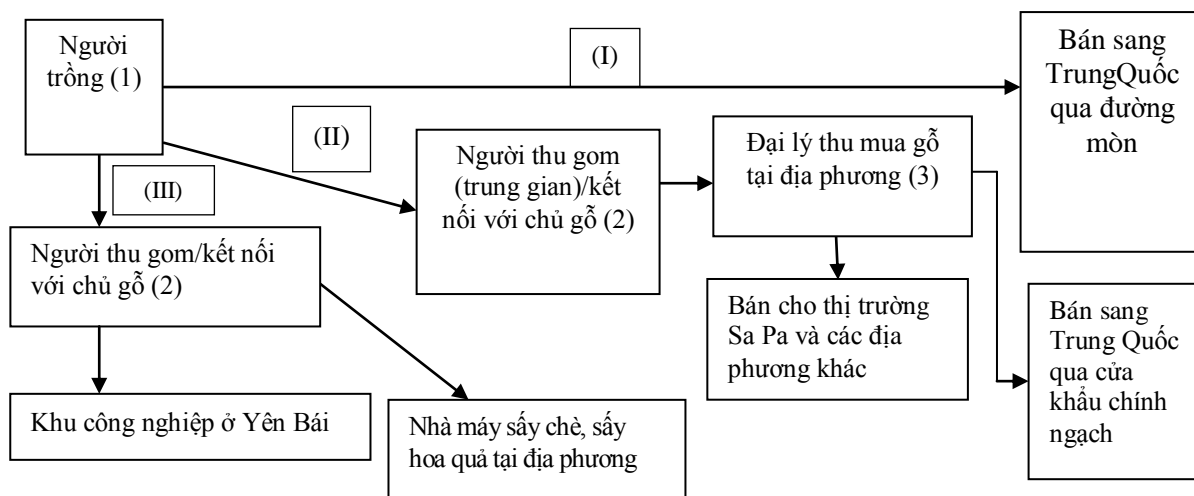
*Thứ nhất*, bán trực tiếp qua các đường mòn giáp biên. Theo phương thức này, gỗ thường được cộng đồng cư dân địa phương khai thác và bán ở những diện tích trồng gần đường biên giới và thường bán lẻ theo cây. Việc kết nối với các chủ thu mua gỗ người Trung Quốc vào thời điểm đó khá dễ dàng. Nhờ hoạt động đi làm thuê và thăm thân hai bên biên giới mà người dân ở đây kết nối được với các chủ thu mua gỗ bên phía Trung Quốc. Trong trường hợp này, người dân địa phương, trong đó chủ yếu là người Dao đóng vai trò là người bán. Với mỗi khu vực gỗ trồng sau 15-20 năm sẽ cho thu hoạch. Vào thời điểm năm 2006-2007, mỗi cây gỗ đến tuổi thu hoạch thường có đường kính 80-100cm, dài 4-5m được bán với giá 3,5 triệu đồng/khối gỗ thông và 3 triệu đồng/khối gỗ mỡ. Hoạt động khai thác và mua bán gỗ lúc này diễn ra dễ dàng, mang tính tự phát và rất ít có sự kiểm soát của chính quyền địa phương bởi thị trường thu mua rộng lớn, cây gỗ lại được trồng ở những diện tích gần khu vực đường mòn giáp biên giới.

*Thứ hai*, vận chuyển gỗ sang Trung Quốc thông qua các cửa khẩu chính ngạch ở Lào Cai. Với hình thức này, người bán phải thông qua người môi giới trung gian thì sản phẩm gỗ mới bán được sang bên kia biên giới. Người trung gian kết nối và gửi thông tin về nguồn cung gỗ cho chủ thu mua gỗ. Với mỗi chuyến gỗ mua được, đại lý thu mua trả thù lao cho người môi giới từ 2-3 triệu đồng, tùy vào lượng gỗ. Phương thức này chỉ áp dụng với các loại gỗ có diện tích thích hợp cho việc vận chuyển trên các trục đường giao thông. Giá gỗ

thông qua các kênh trung gian thường rẻ hơn 300.000 đồng - 500.000 đồng/khối so với việc bán trực tiếp qua hệ thống đường mòn giáp biên.

Theo phương thức kết nối bán hàng thứ hai này, khi diện tích gỗ đến tuổi khai thác, chủ hộ gia đình định giá trị gỗ của mình rồi liên hệ với người mua thông qua kênh giới thiệu trung gian. Dựa trên quan sát thực tế, người mua sẽ định lại giá sau khi tính toán trừ chi phí cắt và vận chuyển gỗ. Tại thời điểm năm 2018, một đôi gỗ mở với tổng khối lượng gỗ khoảng 150 khối, chủ mua gỗ thường trả giá khoảng 180 triệu đồng. Sau khi mua, người chủ sẽ phải tính toán và phân loại gỗ để bán ra thị trường với những giá khác nhau, sát với giá trị từng loại gỗ. Chẳng hạn như thân gỗ đường kính 100cm dài 2m thường cho lượng gỗ có giá trị lớn nhất, còn lại các loại đường kính và độ dài nhỏ hơn thì ít có giá trị hơn. Khi khai thác, tùy thuộc vào vị trí và diện tích của đôi gỗ mà người mua có thể vận chuyển gỗ bằng xe máy, vác bộ hoặc dùng máy tời để kéo gỗ. Tại những khu vực khó khai thác, chủ gỗ phải thuê máy xúc mở tuyến đường mới đưa được gỗ về nơi tập kết. Chính vì những khó khăn trong quá trình thu mua này nên chủ gỗ cần phải thông qua một người môi giới trung gian tại địa phương để được giúp đỡ. Gỗ sau khi phân loại sẽ xuất sang Trung Quốc qua cửa khẩu Kim Thành hoặc đưa tới cảng Hải Phòng để chuyển đi các nước khác. Với mỗi khối gỗ, sau khi trừ các chi phí, chủ thu mua có lãi khoảng 300.000 đồng.

**Hình 1: Mạng lưới mua - bán lâm sản gỗ tại Mường Khương**



Nguồn: Điều tra thực địa của đề tài năm 2021-2022

Theo sơ đồ trên, ở mắt xích thứ II, cộng đồng người Dao thường ở vị trí người trồng và người tham gia kết nối với chủ gỗ. Câu hỏi đặt ra là, mặc dù chiếm số lượng dân số khá đông tại các điểm nghiên cứu nhưng tại sao người Dao chỉ tham gia ở hai mắt xích đầu tiên trong sơ đồ đường đi của LSG? Qua tìm hiểu tác giả nhận thấy, để có thể trở thành người thu gom trong mắt xích thứ II và III, tức là đại lý thu mua gỗ, phân loại, sơ chế và bán gỗ thô đi Trung Quốc hoặc các địa phương khác, mỗi xưởng sản xuất phải đầu tư một số vốn không

nhỏ cho xây dựng nhà xưởng, thuê nhân công, sơ chế gỗ, lên tới vài trăm triệu đồng. Hơn nữa, việc thu mua các diện tích gỗ với trữ lượng lớn cũng cần một lượng vốn nhất định. Điều này không dễ thực hiện đối với cộng đồng cư dân sinh sống ở vùng núi còn khó khăn như người Hmông và người Dao huyện Mường Khương, đặc biệt là tại thời điểm những năm 2006-2007, khi điều kiện cơ sở hạ tầng vùng miền núi phía Bắc của nước ta còn kém phát triển. Trong quá trình nghiên cứu thực địa tại hai xã Lùng Vai và Nậm Cháy, nhóm nghiên cứu nhận thấy số lượng người Dao tham gia vào hoạt động mua bán LSG nhiều hơn một số cộng đồng trong cùng địa phương sinh sống như người Hmông, người Nùng. Điều này có thể xuất phát từ một thực tế là người Dao có đời sống gắn liền với những cây trồng lâu năm từ rừng, gắn liền với rừng, trong khi đó người Hmông tập trung hơn vào canh tác nương rẫy cùng với cây nông nghiệp ngắn ngày. Không chỉ có vậy, qua phỏng vấn sâu các hộ gia đình người Dao tại 2 xã nghiên cứu, đa số các hộ đều có người thân họ hàng sống ở bên kia biên giới Trung Quốc. Khi hàng rào biên giới chưa được Trung Quốc xây dựng, họ thường xuyên qua lại thăm thân và trao đổi làm ăn. Sau khi hàng rào biên giới được xây dựng, quá trình thăm thân không còn diễn ra nhưng họ vẫn liên lạc hỏi thăm nhau thông qua điện thoại di động hoặc Wechat. Mặc dù người Dao có mối liên hệ đặc biệt với người đồng tộc bên kia biên giới cũng như có sự gắn kết với rừng, nhưng trong hoạt động kinh doanh LSG họ cũng chỉ tham gia là người cung cấp gỗ thô hoặc môi giới mua - bán gỗ chủ yếu do hạn chế về nguồn vốn tài chính.

*Thứ ba*, tiêu thụ ở trong nước hình thành từ năm 2015 đến nay, khi Trung Quốc nhập gỗ ít hơn do thị trường gỗ của nước này đã bão hòa trong khi đó nguồn cung gỗ trong dân vẫn còn. Lúc này, các chủ gỗ buộc phải tìm kiếm các thị trường tiêu thụ mới ở trong nước. Một số người vốn trước đây chuyên thu gom gỗ trung gian hoặc tìm, giới thiệu đôi gỗ cho các chủ gỗ lớn đã tự tìm kiếm liên hệ bán trực tiếp tới các công ty mà không bán lại cho chủ gỗ ở Lào Cai hay Mường Khương. Trước sức ép thay đổi của thị trường và nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin, họ cũng đã bắt đầu tự thu mua và bán trực tiếp cho các khu công nghiệp chế biến hàng gỗ xuất khẩu hoặc các nhà máy thu mua trên địa bàn. Qua tìm hiểu tại xã Lùng Vai, nhóm nghiên cứu được biết các loại gỗ như gỗ mỡ, bồ đề đã được bán cho khu công nghiệp Đầm Hồng (tỉnh Yên Bái) để dùng làm nguyên liệu sản xuất đũa, thìa cà phê. Các sản phẩm này sau đó xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản và các nước Châu Âu. Gỗ tạp nhỏ được cung cấp cho các nhà máy sấy trên địa bàn. Thời điểm năm 2019, phần gỗ mỡ dành cho bán làm đũa xuất khẩu là được giá nhất, khoảng 2,5 triệu đồng/khối với các loại gỗ có đường kính trung bình đạt từ 40cm đến 60cm. Phần gỗ còn lại được dùng bán gỗ xẻ hoặc gỗ ép. Loại này bán với giá thấp hơn từ 500.000-1000.000 đồng/khối so với gỗ đũa. Một chủ mua gỗ tại Mường Khương cho biết, đối với gỗ bồ đề, keo, quế, giá mua rẻ hơn so với gỗ mỡ vì những gỗ này không chắc và giá trị sử dụng không cao bằng gỗ mỡ. Giá gỗ ở thời điểm năm 2019 thấp hơn so với trước là do xu hướng của thị trường, tuy nhiên qua phỏng vấn cho thấy, tại địa phương thị trường gỗ đũa khá ổn định và còn có nhu cầu rất lớn.

Cho đến thời điểm năm 2019, khu vực Mường Khương có 10 đại lý thu mua gỗ xuất cho các nhà máy hoặc khu công nghiệp khác nhau. Để có thể mang gỗ từ Mường Khương đi Yên Bái, chủ gỗ phải thuê xe công ten nơ và làm các thủ tục vận chuyển gỗ khác theo quy định của Nhà nước. Các thủ tục bao gồm: lấy xác nhận của kiểm lâm về việc gỗ có nguồn gốc, phôi bì đỏ của hộ gia đình bán gỗ và chi phí cầu đường giao thông, chi phí thuê xe chở hàng. Trung bình mỗi chuyến chi phí hết 11 triệu đồng, mỗi lần vận chuyển được 40 khối gỗ. Trừ các khoản chi phí, mỗi năm, hộ gia đình cũng tiết kiệm được khoảng 200 triệu đồng từ hoạt động kinh doanh gỗ. Theo thống kê tại Hạt kiểm lâm Mường Khương, năm 2021, đơn vị này cấp giấy chứng nhận gỗ có nguồn gốc cho hơn 20 chuyến gỗ các loại.

**Bảng 3: Khối lượng gỗ đã khai thác giai đoạn 2018-2020**

Đơn vị: m<sup>3</sup>

Tên xã/huyện	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
Lùng Vai	455,509	659,487	269,32	1.384,32
Nậm Chảy	175,754	80,751	4,2	260,71
Huyện Mường Khương	4.055,83	3.026,05	1.332,02	8.403,89

Nguồn: UBND huyện Mường Khương, 2021

Có thể thấy, so với trước năm 2019, việc mua - bán gỗ trực tiếp của người dân, vận chuyển và bán cho các khu công nghiệp mang lại nguồn thu lớn hơn cho những người tham gia trong mắt xích thứ II (Hình 1). Về mặt kinh tế: *“nếu như trước đây đi giới thiệu gỗ chỉ được 2-3 triệu/1 chuyến, một năm cũng chỉ được trên dưới 10 chuyến. Hiện giờ mua gỗ tận gốc, bán tận ngọn tuy có vất vả hơn nhưng thu nhập cao hơn gấp nhiều lần”* (P.V.S. Lý.V. H, 35 tuổi, xã Lùng Vai).

Về các mặt hàng gỗ, chủ thu mua ở đây cho biết, loại gỗ dễ tiêu thụ nhất là gỗ mỡ và hàng để bán gỗ đũa cho khu công nghiệp ở Yên Bái. Lý do là đường đi dễ dàng, khách hàng dễ tính và giá bán cao hơn so với các khách hàng khác. Bên cạnh đó, các chủ hàng không mất công chế biến xẻ thô trước khi đem bán và không mất công bảo quản gỗ khi chưa đủ chuyến hàng. Còn đối với các hộ gia đình trồng cây lâm sản, gỗ bán cho người thu gom trực tiếp thường được trả giá cao hơn. Bởi khi bán trực tiếp cho các khu công nghiệp, những người thu mua này sẽ được lãi cao hơn do không qua các chủ mua trung gian. Nhờ đó, việc trả giá cho các loại gỗ khi mua của người dân cũng dễ dàng hơn, nguồn thu mua gỗ của nhóm người mua trực tiếp này ngày càng được mở rộng. Họ không chỉ mua ở các hộ dân trong xã mà còn thu mua cả ở xã khác trong huyện Mường Khương và các huyện khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Bên cạnh việc bán gỗ cho những khu công nghiệp và nhà máy, các chủ thu mua còn thu gom những loại gỗ tạp, gỗ nhỏ bán cho các nhà máy sấy chè, sấy hoa quả tại địa phương.

Tuy nhiên, hoạt động này không cho thu nhập cao bằng việc vận chuyển gỗ đi Yên Bái và các vùng khác. Giá thu mua gỗ tạp làm củi cho các nhà máy là 700-800 đồng/kg. Mỗi chuyến đi, họ sẽ gom khoảng 10 tấn và bán được với giá 12-13 triệu đồng. Sau khi trừ chi phí, các chủ hàng lãi được khoảng 4-5 triệu đồng. Song, việc thu mua củi này phải kéo dài trong khoảng thời gian từ 1 tháng đến 1,5 tháng.

Với gỗ thông sa mộc, tại địa bàn vẫn còn một số lượng nhỏ có thể khai thác bán ra thị trường. Loại gỗ này đã tìm thấy thị trường mới là Sa Pa. Nếu như trước đây, gỗ sau khi thu mua được xẻ theo quy cách (chiều dài 1m hoặc 2m, độ dày trung bình từ 40-60mm, bề mặt tùy theo đường kính của cây), sau đó xuất bán sang Trung Quốc qua đường cửa khẩu. Đối với gỗ bán đi thị trường Sa Pa, chủ gỗ sẽ cắt, xẻ theo kích thước chiều dài 1,3m hoặc 2,6m, độ dày và bề mặt tấm gỗ tương tự như xuất đi Trung Quốc, sau đó phơi và phun lót nhằm bảo quản gỗ. Theo một chủ cửa hàng gỗ tại thị trấn Mường Khương: *“gỗ thông sa mộc chỉ dùng tốt ở những vùng có khí hậu lạnh, khi thị trường Trung Quốc không còn mua nhiều, gỗ này cũng không bán được trong nước vì tính bền của nó là không ưa nóng, mình chỉ còn xuất bán được ở Sa Pa. Sa Pa là nơi có khí hậu lạnh, thông nhập lên được dùng để dựng khung nhà gỗ phục vụ cho hoạt động du lịch. Nếu bán gỗ thô sẽ rẻ hơn gỗ đã được sơ chế”* (PVS. Hoàng.V.N, 55 tuổi, thị trấn Mường Khương). Có thể nói, mặc dù thông sa mộc đã tìm được thị trường mới nhưng số lượng tiêu thụ còn nhỏ lẻ, không lớn bằng thị trường trước đây.

Như vậy, đối với nguồn LSG, người dân ở địa bàn nghiên cứu có những cách thức bán hàng khác nhau. Vào thời điểm trước khi Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới với Việt Nam, người dân vẫn bán lẻ qua đường mòn giáp biên cho người Trung Quốc hoặc bán cho người trung gian Việt Nam trước khi xuất khẩu sang Trung Quốc qua hệ thống cửa khẩu. Sau khi Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới, đồng thời thị trường gỗ cũng đã bão hòa, đa số nguồn gỗ được bán trong nước phục vụ nhu cầu xây dựng hoặc bán cho các khu công nghiệp để chế tác trước khi xuất khẩu. Một phần nhỏ gỗ tạp được bán cho các nhà máy sấy ngay tại địa bàn huyện.

## **2.2. Mua bán lâm sản ngoài gỗ**

Trên địa bàn hai xã Lùng Vai và Nậm Chảy hiện nay, LSNG được người dân khai thác bao gồm: sa nhân, quế, cây dược liệu, mật ong rừng, các loại rau măng nấm,... Tuy nhiên, bài viết này chủ yếu đề cập đến hoạt động buôn bán các sản phẩm từ cây quế. Không giống các loại cây gỗ, cây quế ưa khí hậu nóng. Ở vùng Mường Khương, cây quế được trồng từ năm 2013. Hoạt động thu mua quế ở xã Lùng Vai phát triển hơn so với xã Nậm Chảy do cây quế ở Nậm Chảy mới được trồng, chưa thể khai thác. Ở Lùng Vai, khí hậu nóng hơn, tầng đất dày hơn so với những xã khác nên sau 7-8 năm cây quế có thể cho thu hoạch. Cũng có trường hợp đòi quế được trồng với mật độ dày thì sau 4-5 năm người dân có thể cắt tia cành và lá đem bán. Mặc dù vậy, tại hai điểm nghiên cứu nói riêng và ở huyện Mường Khương nói chung chưa có cơ sở nào nấu tinh dầu quế hay thu mua để xuất khẩu quế sang các nước khác. Nơi đây mới chỉ là vùng cung cấp nguyên liệu thô cho thị trường thu mua quế.

So với thị trường của các loại gỗ, thị trường cây quế hẹp hơn và những người tham gia vào hoạt động này cũng chưa nhiều. Người Dao ở Lũng Vai mới chỉ tham gia là đối tượng thu mua cấp 1 đối với các sản phẩm từ cây quế.

**Bảng 4: Hoạt động mua - bán sản phẩm từ cây quế**

STT	Sản phẩm từ cây quế	Hình thức mua	Thị trường
1	Vỏ quế	Mua định giá theo từng đò	Bóc vỏ bán lại cho cơ sở thu mua quế tại Yên Bái hoặc xưởng quế tại Bảo Thắng (Lào Cai).
2	Lá quế	Mua theo khối lượng	Bán lại cho cơ sở chiết xuất tinh dầu quế tại Yên Bái hoặc Bảo Thắng (Lào Cai).
3	Gỗ quế sau khi đã bóc vỏ	Mua định giá theo khối lượng	Phân loại bán cho các lò sấy trong huyện Mường Khương

Nguồn: Điều tra thực địa của đề tài năm 2021 - 2022

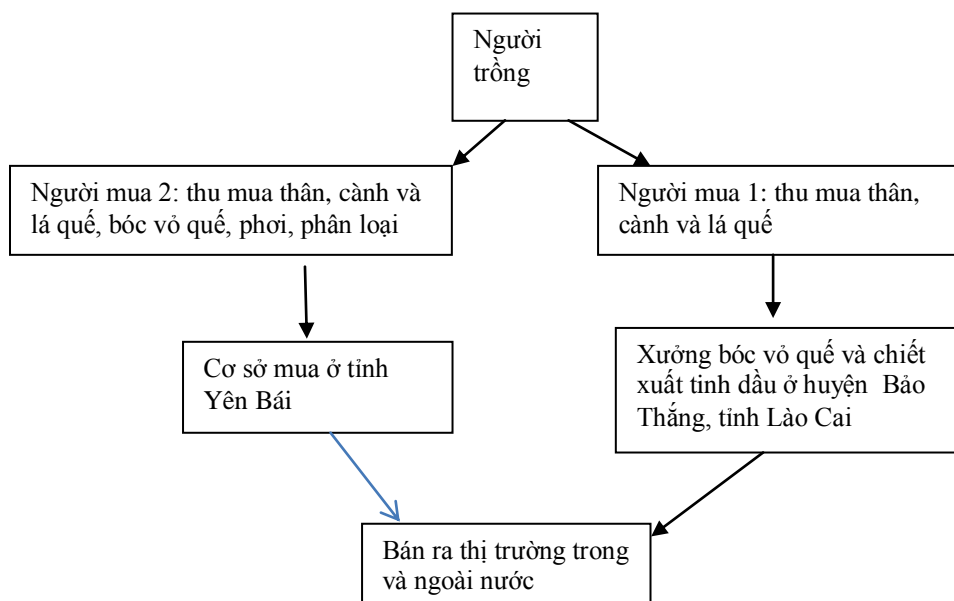
Tại địa bàn nghiên cứu hiện nay, có một số người trong địa phương thu mua quế của người dân rồi đem bán cho các cơ sở sơ chế ở huyện Bảo Thắng. Những người này có thể mua lá, thân và cành quế. Lá sẽ được cung cấp cho cơ sở chiết xuất tinh dầu, cành và thân sẽ phân loại bán cho cơ sở bóc tách vỏ quế. Những người ở kênh thu mua này ban đầu là chủ vườn quế, nhờ có các mối quan hệ anh em họ hàng ở Bảo Thắng nên họ tự thu hái lá quế mang bán. Sau đó nhận thấy nguồn lá quế trong dân bắt đầu có nhiều, xe từ Bảo Thắng khó có thể vào tận bản thu mua nên họ đã đứng lên thu mua và bán lại.

Về hình thức mua - bán, với lá quế, khi cây quế được 4-5 năm tuổi, người dân có thể tía lá để bán. Người thu mua có thể đến từng vườn để mua. Giá thu mua lá quế tươi khoảng 800-1000 đồng/kg, trong khi đó lá quế khô là 1.500-1.600 đồng/kg. Lá quế sau khi mang đến Bảo Thắng bán, thương lái sẽ được lãi khoảng 300-500 đồng/kg. Cũng có khi những thương lái này chỉ thu gom, sau đó xe từ Bảo Thắng sẽ đến thu mua với giá thấp hơn một chút vì họ không mất tiền thuê xe chở hàng đi<sup>6</sup>. Với thân và cành quế, người dân chặt tía cây đã đến lứa thu hoạch mang bán cho chủ thu mua. Lúc này, giá quế thu mua thông thường là 100.000-110.000 đồng/cây quế (với cây có đường kính trung bình 10-12cm, chiều dài 3m). Trong trường hợp này, chủ thu mua cũng có thể mua lẻ, nghĩa là đi xem tại

<sup>6</sup> Xưởng nấu tinh dầu quế ở Bắc Ngàn huyện Bảo Thắng cách khu vực thu mua lá quế ở Mường Khương khoảng 60 km, nếu thuê xe thì chủ thu mua sẽ phải trả 1,2 -1,5 triệu/xe khoảng 7 tấn. Nếu cơ sở từ Bảo Thắng mang xe tới tự chở thì sẽ không mất thêm phí này nhưng giá bán lá quế thấp hơn.

đôi quế và mua theo hình thức chặt tía, chọn cây đã có tinh dầu mới mua<sup>7</sup>. Giá mua trung bình 5.000-7.000 đồng/kg thân, cành quế.

**Hình 2: Sơ đồ về thị trường của cây quế**



Nguồn: Tư liệu thực địa của đề tài 2021-2022

Về thời gian thu mua, với lá quế có thể mua bán quanh năm, tuy nhiên thời điểm cuối năm thường có giá cao hơn do lượng tinh dầu trong lá quế nhiều hơn vào mùa khô. Với cành quế và thân quế lại chỉ được khai thác từ tháng 4 đến tháng 11 vì vào mùa đông thời tiết lạnh sẽ không bóc tách được vỏ quế. Hơn nữa, mùa hè thời tiết nóng nên vỏ quế cũng có hàm lượng tinh dầu cao hơn.

Nhận thấy với việc bán - mua quế qua người thu mua trung gian rồi vận chuyển đến Bảo Thắng bán lại cho các cơ sở chế biến, người trồng thường phải bán thấp hơn một vài giá so với thị trường, một số người Dao ở địa phương đã thu mua quế và sơ chế bóc vỏ trực tiếp tại địa phương. Những người này vốn có anh em, họ hàng ở Văn Yên tỉnh Yên Bái - là nơi nổi tiếng với việc chưng cất và chế biến các sản phẩm từ cây quế. Quế sau khi được sơ chế sẽ giới thiệu bán thông qua mạng Zalo và Facebook hoặc vận chuyển về Yên Bái bán cho các hợp tác xã xuất khẩu quế.

<sup>7</sup> Về kinh nghiệm khi chọn mua quế, người mua nhìn vỏ, lấy vật nhọn xoay vào thân quế xem dày hay mỏng, có ra dầu hay không thì mua. Ngoài ra, người mua nhìn lá quế cũng có thể phân biệt được loại quế. Có hai loại lá: lá to và lá nhỏ. “Loại lá nhỏ sẽ cho mùi vị cay nồng hơn nhưng không biết lượng tinh dầu chiết xuất được có nhiều hơn không: quan trọng là quế trồng lâu năm thì sẽ mua có giá hơn” (PVS. Hoàng.Văn.V. 45 tuổi, xã Lùng Vai).

Về hình thức thu mua, người mua cũng có thể mua lẻ của dân nhưng cũng có khi chủ thu mua đi tìm hỏi và mua cả đò quế. Nếu đò quế được thu hoạch trong khoảng thời gian dài (nhiều hơn một tháng) thì chủ thu mua phải thảo một bản hợp đồng với người dân, trong hợp đồng ghi rõ thời hạn sẽ khai thác xong đò quế. Lý do khai thác đò quế lâu hơn 1 tháng là trong quá trình làm nếu gặp phải thời điểm tháng 11, quế không thể tách vỏ được, người mua phải nghỉ đến tháng 2 năm sau mới có thể tiếp tục khai thác. Về định giá quế khi mua cả đò, người mua đếm cây, cây to thì giá đắt, cây nhỏ thì rẻ hơn. Năm 2021, một đò khoảng 300 cây quế 7 năm tuổi được mua với giá 33 triệu. Sau khi mua, người chủ thu mua sẽ chọn cây nào bóc được thì thu hoạch trước, cây nào còn dính chưa tách vỏ được để đến tháng 2 năm sau. Trường hợp chưa thu hoạch ngay thì phải làm hợp đồng giao hẹn thời điểm phải hoàn thành việc thu hoạch và thanh toán hợp đồng.

Sau khi mua quế về, người thu mua sẽ phân loại cây theo kích thước và hình dạng để có cách bóc vỏ khác nhau. Với loại cây thẳng, vỏ nâu, đường kính trung bình 10-15cm có thể cho vào máy để bóc lấy vỏ. Với cành quế kích cỡ khác và có vỏ màu xanh, nghĩa là còn non, sẽ không bóc được bằng máy mà phải bóc bằng tay với dao chuyên dụng. Thông thường 1 tạ thân và cành quế sẽ bóc được 20 kg vỏ quế tươi; 10 kg quế tươi sau khi phơi sẽ còn lại 4 kg quế khô.

Sau khi tách, phơi khô và phân loại, vỏ quế thành phẩm sẽ được rao bán trên các nhóm hội thu mua vỏ quế hoặc bán lại cho các mối mua ở Yên Bái. Để liên kết với các cơ sở thu mua quế ở Yên Bái, kênh mua hàng thứ hai này tham gia các nhóm hội trên facebook như: *Hội mua bán quế Văn Yên - Yên Bái*; *Hội mua bán Vỏ quế - Giống quế - Lá quế - Xương quế Văn Yên, Yên Bái*;... Nhờ vậy, đối tượng thu mua trở nên đa dạng hơn và giá bán hàng được cập nhật thường xuyên, không bị ép giá. Những người thu mua trung gian ở Lùng Vai được hỏi đều cho biết, sau khi bóc vỏ quế, họ thường đăng thông tin bán vỏ quế thông qua các nhóm, trang quảng cáo trên mạng. Điều đó giúp họ giảm bớt thời gian tìm kiếm đầu mối bán quế. Tuy nhiên, sau khi tìm hiểu được địa điểm bán hàng, họ vẫn phải đến tận nơi để trao đổi, giao dịch trực tiếp. Không chỉ tìm kiếm khách hàng thông qua mạng internet, người thu mua quế ở Lùng Vai còn học cách sơ chế quế, tìm mua máy bóc vỏ quế và học cách sử dụng máy trên YouTube. Theo người dân, công nghệ hiện nay đã giúp họ rất nhiều trong công việc, đặc biệt là kết nối khách hàng, tìm kiếm công cụ làm việc, những việc mà trước kia họ phải tốn rất nhiều thời gian.

Tại xã Lùng Vai, đến nay có 3 hộ thực hiện phương thức thu mua kể trên. Tất cả những hộ này đều có quan hệ họ hàng, quen biết với người Dao ở Văn Yên, Yên Bái - nơi vốn đã rất quen với nghề quế. Mỗi chủ thu mua quế ở địa phương thường có mối quan hệ với 2-3 cơ sở chế biến quế ở Bảo Thắng hay Yên Bái. Thông thường, giá quế phụ thuộc vào loại vỏ quế: vỏ vụn khô mỏng có giá 35.000 đồng/kg, vỏ vụn dày - 40.000 đồng/kg, vỏ quế dài 2cm - 45.000 đồng/kg, loại dài 4-5cm - 55.000 đồng/kg, loại vỏ dài 20cm đã cạo lớp vỏ nâu ở ngoài có giá cao nhất - 100.000 đồng/kg, nếu chưa cạo vỏ có giá là 60.000 đồng/kg. Sau khi

trừ mọi khoản chi phí, ở tháng đầu vụ, một người bóc vỏ quế có thể thu nhập được khoảng 10 triệu đồng. Tính bình quân, nếu mua hết 1 triệu đồng tiền cành quế, sau khi bóc và đập vỏ quế, phơi khô sẽ bán được 2 triệu tiền quế khô. Tính theo ngày công, những người mua từ khi cắt tỉa về, trừ các chi phí sau bán, có thu nhập được khoảng 200-300.000 đồng/ngày. Cây quế sau khi thu bóc vỏ, phần lõi gỗ quế cũng có thể bán làm gỗ củi, thanh đỡ trong xây dựng với giá trung bình 700-800 đồng/kg.

Có thể thấy, tại các điểm nghiên cứu, mặc dù cây quế mới được đưa vào trồng và cho thu hoạch nhưng người dân địa phương đã nhanh chóng chuyển từ hoạt động thu gom nhỏ lẻ và bán lại cho người dân ở các địa phương khác sang thu mua và chế biến thô. Việc không qua trung gian mà thu mua trực tiếp của dân giúp giá trị của cây quế được tăng lên. Trình bày trên cho thấy người dân địa phương ngày càng khả năng động trong việc sử dụng mạng lưới xã hội và công nghệ thông tin để kết nối với thị trường. Điều này giúp giảm thiểu tình trạng ép giá nông - lâm sản đã tồn tại nhiều năm trước đây ở vùng cao nước ta.

### **3. Những yếu tố tác động đến quá trình mua - bán lâm sản của người Dao ở Mường Khương**

#### **3.1. Đối với người bán**

- *Bất cập của các chính sách về lâm nghiệp*: Nhờ Quyết định số 327 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 15/09/1992 về “Một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và đất mặt nước” nhằm phủ xanh đất trồng đồi núi trọc được thực hiện trong giai đoạn 1993-1995 và Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng được thực hiện bằng Quyết định 661/QĐ-TTg ngày 29-7-1998 của Thủ tướng Chính phủ (hay còn gọi là Dự án 661), nhiều việc làm cho người lao động đã được tạo thêm; nguồn gỗ nguyên liệu cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước đã được tăng lên. Tuy nhiên, cho đến nay có đến 70% hộ gia đình ở xã Nậm Chảy chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng. Điều này đồng nghĩa với việc họ không thể khai thác gỗ với mục đích kinh doanh trên diện tích rừng trồng được giao. Bởi, khi một diện tích gỗ đến tuổi khai thác, chủ rừng phải báo với cơ quan kiểm lâm gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân xã, thị trấn sở tại để trong vòng 10 ngày được cấp giấy chứng nhận các sản phẩm này là sản phẩm hợp pháp (Thủ tướng chính phủ, 1998). Để diện tích gỗ này được công nhận là hợp pháp, người dân phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế là rất nhiều người dân ở xã Nậm Chảy lâm vào tình trạng gỗ đã đến tuổi khai thác mà không thể bán do không đủ các giấy tờ hợp lệ. Trong đó, chất lượng gỗ tốt nhất thường là dưới 30 năm tuổi, nếu để lâu hơn cây gỗ sẽ không còn giá trị. Điều này ảnh hưởng lớn đến nguồn cung gỗ cũng như hoạt động bán - khai thác gỗ của người dân.

- *Sự chồng chéo diện tích đất của dân với diện tích đất do Hạt kiểm lâm quản lý*: Hiện nay, huyện Mường Khương có 3.200 ha đất đã giao cho Bản Quản lý rừng phòng hộ nhưng trên thực tế một phần diện tích này lại trùng với đất canh tác của nhiều hộ dân. Tại xã Nậm Chảy, do một số hộ gia đình đã khai hoang canh tác từ lâu đời nhưng chưa có giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất nên khi huyện giao đất cho Bản Quản lý rừng phòng hộ chồng lấn vào diện tích đó, người dân gặp khó khăn trong khai thác LSG họ đã trồng từ trước đó. “Nhà mình có 8000m<sup>2</sup>, trước đây là nương ngô, nhưng ngô mang về xa quá không vận chuyển được, mình chuyển sang trồng cây gỗ. Mình trồng gỗ mỡ và thông sa mộc từ năm 1995, giờ đường kính hơn 100 cm khai thác được rồi, cũng muốn khai thác nhưng giờ khoanh vào đất rừng phòng hộ nên không làm gì được. Mua giống cây thông và gỗ mỡ vẫn còn nợ tiền, muốn bán gỗ để trả nợ mà không được” (PVS, Lý.C. H, 48 tuổi, xã Nậm Chảy).

- *Trung Quốc xây dựng hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc*: Đến năm 2020, về cơ bản 50km đường biên giới đất liền tại Mường Khương đã được Trung Quốc xây dựng xong hàng rào ngăn cách biên giới. Điều này khiến cho hoạt động mua - bán lâm sản nói chung và LSG nói riêng theo các hệ thống đường mòn giáp biên không thể thực hiện. Đây là một trong những yếu tố khiến người dân địa phương phải tìm hướng đi mới, thị trường mới, tránh lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Mặc dù bước khởi đầu là khó khăn, nhưng việc tìm kiếm và cung cấp gỗ cho thị trường trong nước để làm gỗ xuất khẩu là một hướng đi tương lai cho sản phẩm lâm sản của Mường Khương.

### 3.2. Đối với người mua

Một là, trong quá trình thu mua và khai thác, các gia đình có rừng bên cạnh không cho vận chuyển nhờ qua đất do lo ngại sẽ ảnh hưởng đến rừng cây của họ. Điều này khiến cho việc vận chuyển gỗ sau khai thác gặp nhiều khó khăn. Cũng có lúc, khu đồi khai thác gỗ quá xa khu tập kết, người mua phải thuê thêm xe ủi để mở đường làm mất thêm chi phí vận chuyển. Ngoài ra, hệ thống đường giao thông vào các xã vùng sâu của Mường Khương còn chưa phát triển, kể cả ở các xã vùng thấp. Đường giao thông nhìn chung chưa đáp ứng được hoạt động lưu thông của những xe có trọng tải lớn làm cho việc thu gom nguyên liệu phải thực hiện một cách nhỏ lẻ, manh mún gây tốn thời gian và chi phí vận chuyển. “Năm 2021 mình mua xe tải 7 tấn để vào thôn bán thu mua, tuy nhiên đường nhỏ, xe không đi được, mình phải bán và mua xe 5 tấn. Xe nhỏ nên thời gian vận chuyển một đôi gỗ lâu hơn và tốn nhiều tiền nhiên liệu hơn” (PVS. Hoàng.V. M, 37 tuổi, xã Lùng Vai).

Hai là, dịch bệnh Covid-19 khiến cho giao thông liên tỉnh gặp khó khăn, người dân không thể mang gỗ đi bán. Tại thời điểm khảo sát tháng 10/2021, nếu muốn chở gỗ đi các tỉnh khác, chủ gỗ phải tiêm đủ 2 mũi vaccin phòng Covid-19 và có giấy xét nghiệm âm tính với Covid-19 của bệnh viện tỉnh Lào Cai hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền. Tuy nhiên tại thời điểm đó, mỗi người dân được tiêm 2 mũi vaccin là điều khó thực hiện. Việc đi làm xét nghiệm tại bệnh viện tỉnh cũng tốn kinh phí: “mỗi một lần test PCR là 750.000 đồng/người, trước khi đi chở hàng mình phải xét nghiệm một lần, khi về lại xét nghiệm lần nữa, trừ chi phí đi thì không còn lãi bao nhiêu sau mỗi chuyến hàng” (PVS. Lý.V. S, 33 tuổi, xã Lùng Vai). Hơn nữa, trong quá trình tham gia giao, vận chuyển hàng, tiếp xúc với người nhiễm Covid-19 và trở thành F0, F1, chủ gỗ dễ bị người dân trong cộng đồng xa lánh. Vì vậy, trong năm 2021, hầu như hàng hóa lâm sản không chuyển được đến các điểm thu mua ngoài tỉnh.

## Kết luận

Nghiên cứu tại huyện vùng cao biên giới Mường Khương cho thấy, nơi đây có nhiều tiềm năng về nguồn LSG và LSNG. Cùng với các cộng đồng tộc người khác, người Dao tại địa phương đã khai thác các nguồn lâm sản và tham gia vào thị trường thương mại với những hình thức khác nhau. Đối với LSG, trước đây người Dao lựa chọn bán nhỏ lẻ qua đường biên giới hoặc bán buôn qua các cửa khẩu tại địa phương. Theo cách này, hàng lâm sản khó quản lý khi bán qua đường mòn, giá thành thấp do qua nhiều khâu trung gian và phụ thuộc nhiều vào thị trường bên ngoài. Trước sự thay đổi của thị trường và việc siết chặt quản lý đường biên, người Dao đã tìm được thị trường tiêu thụ trong nước, bán trực tiếp cho các khu công nghiệp hoặc vận chuyển đi ngoại tỉnh. Sự chuyển đổi này phần nào giúp giá trị của LSG được tăng lên và thị trường thu mua cũng ổn định hơn. Đối với LSNG như cây quế, thị trường trong nước là chủ đạo. Ban đầu, người Dao bán lại cho các đơn vị thu mua trung gian và vận chuyển đến địa phương khác sơ chế. Nhờ sự phát triển của công nghệ và các mối quan hệ quen biết, người Dao đã tự thu mua và sơ chế bóc vỏ quế ngay tại địa phương, sử dụng các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook để rao bán sản phẩm. Điều này giúp cho giá trị của cây quế ngày càng được nâng cao.

Sự chuyển đổi các phương thức mua bán lâm sản của người Dao ở Mường Khương là sự thay đổi tất yếu trong bối cảnh hiện nay. Dù mua bán lâm sản theo bất cứ phương thức nào thì hoạt động này vẫn gặp tác động của nhiều yếu tố như: chính sách về lâm nghiệp tại địa phương, chính sách thị trường vùng biên của nước láng giềng, cơ sở hạ tầng của các địa phương vùng biên hay yếu tố dịch bệnh Covid-19. Để nâng cao giá trị hàng lâm sản của người Dao nói riêng và các tộc người khác ở Mường Khương nói chung, cần có những giải pháp nhằm giảm thiểu các khía cạnh tác động tiêu cực từ các yếu tố trên. Đặc biệt, trước mắt cần nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương cũng như tháo gỡ các vướng mắc trong việc áp dụng các chính sách quản lý đất lâm nghiệp giúp người dân nói chung và cộng đồng người Dao nói riêng có thể vừa sử dụng vừa quản lý đất lâm nghiệp một cách bền vững.

## Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2006), *Cẩm nang ngành nông nghiệp*, trên trang: <https://vietnamforestry.org.vn/lam-san-ngoai-go/> (Truy cập ngày 3/5/2022).
2. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, *Quyết định Về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước*, Quyết định số 327-CT ban hành ngày 15/09/1992, trên trang: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/> (Truy cập ngày 3/5/2022).
3. Nguyễn Công Thảo (2022), “Tính rủi ro trong quá trình thương mại hóa cây lâm sản ở khu vực biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 48-60.
4. Trần Hồng Thu (2014), “Lợi ích kinh tế của tri thức địa phương người Dao trong phát triển kinh tế hộ gia đình và xóa đói giảm nghèo”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 29-41.

5. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng*, Số 661/ QĐ-TTg ban hành ngày 29/07/1998, trên trang: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/> (Truy cập ngày 3/5/2022).

6. Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương (2021), *Biểu tổng hợp diện tích rừng huyện Mường Khương giai đoạn 2018-2021*.

7. Ủy ban nhân dân xã Lùng Vai (2011), *Báo cáo Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển Kinh tế xã hội năm 2011; Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2022*.



Người Dao ở xã Lùng Vai, huyện Mường Khương,  
tỉnh Lào Cai bóc vỏ quế

*Ảnh:* Phạm Thị Cẩm Vân, chụp tháng 10/2021.